|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TỈNH KON TUM** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 51 /TTr-UBND | *Kon Tum, ngày 15 tháng 4 năm2021*  |

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa
trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum khóa XI, Kỳ họp thứ 12.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017; Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, Kỳ họp thứ 12 ban hành Nghị quyết về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025, như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Căn cứ pháp lý**

Tại điểm b khoản 1 Điều 25 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 đã quy định trách nhiệm của Hội đồng nhân dân tỉnh:

*“a) Ban hành chính sách và bố trí nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; quyết định dự toán ngân sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.”*

Tại điểm b khoản 1 Điều 27 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm của cơ quan chủ trì Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa:

*“b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đảm bảo thống nhất về tính đồng bộ, mục tiêu, đối tượng trọng tâm hỗ trợ để trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định chủ trương trước khi ra quyết định phê duyệt, triển khai Đề án”*

**2. Căn cứ thực tiễn tình hình phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa**

Kinh tế tư nhân, trong đó có các doanh nghiệp nhỏ và vừa có vai trò đóng góp một phần không nhỏ trong sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Thực tế đã chứng minh, nhiều doanh nghiệp đã thúc đẩy động lực tăng trưởng của nền kinh tế và trở thành một trong những trụ cột quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Trong những năm gần đây, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum đã có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh([[1]](#footnote-1)). Bên cạnh những kết quả đạt được, sự phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn còn bộc lộ những hạn chế nhất định: công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh vẫn chưa đạt được kết quả cao([[2]](#footnote-2)); các chính sách hỗ trợ phát triển Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa thật sự phù hợp với doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa; doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay thương mại còn gặp khó khăn do không đáp ứng được các điều kiện vay như không có hoặc thiếu tài sản đảm bảo; nguồn tài chính khác như Quỹ đầu tư phát triển tỉnh, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh tuy đã được thành lập, nhưng doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng gặp khó khăn vướng mắc khi tiếp cận, chưa kể vốn của các quỹ này cũng còn khá hạn hẹp; việc chuyển đổi từ hộ kinh doanh sang doanh nghiệp vẫn mang tính tự phát; chưa có chính sách phù hợp để khuyến khích các hộ kinh doanh đủ điều kiện chuyển đổi lên thành doanh nghiệp...

Từ những lý do trên, việc ban hành Nghị quyết về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025 nhằm khuyến khích, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và thúc đẩy hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp là hết sức cần thiết trong thời điểm hiện nay.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

**1. Mục đích**

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; nhằm đẩy mạnh tốc độ phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, minh bạch để khuyến khích các hộ kinh doanh có tiềm năng chuyển đổi thành doanh nghiệp theo quy định; hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

**2. Quan điểm**

- Các nội dung hỗ trợ phải phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, có tác động thúc đẩy sự phát triển của Doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.

- Các nội dung hỗ trợ được xây dựng với định mức hỗ trợ hợp lý, tập trung, hiệu quả, phù hợp với khả năng chi của ngân sách địa phương. Điều kiện để được nhận các hỗ trợ phù hợp với thực tế của tỉnh, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận.

**III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO NGHỊ QUYẾT:**

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Công văn số 2469/BKHĐT-PTDN ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kon Tum, Quyết định số 1277/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua các chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết về Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025, Công văn số 109-CV/TU ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, Thông báo số 06/TB-TTHĐND ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về Kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh kỳ họp thứ 12, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025, đồng thời, đã đăng tại Dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và gửi lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tại Văn bản số 602/SKHĐT-DN ngày 11 tháng 3 năm 2021.

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, hoàn chỉnh dự thảo và gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Văn bản số 727/SKHĐT-DN ngày 22 tháng 3 năm 2021.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021, Sở Tư pháp có Báo cáo số 70/BC-STP thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Trên cơ sở báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu, giải trình và hoàn chỉnh dự thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

**IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT:** Nghị quyết gồm có 7 Điều, nội dung cơ bản của các điều như sau:

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng và nguyên tắc áp dụng**

**Điều 2. Nội dung hỗ trợ chung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Hỗ trợ mở rộng thị trường

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa được tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, giao thương kết nối trong và ngoài nước, hỗ trợ kinh phí tham gia vào kết nối doanh nghiệp quốc tế, hội chợ triển lãm, hội thảo giới thiệu sản phẩm công nghệ để tìm kiếm cơ hội kinh doanh, mở rộng thị trường.

b) Doanh nghiệp nhỏ và vừa được giới thiệu chia sẻ thông tin thị trường trong nước và quốc tế một cách kịp thời, chính xác bằng nhiều hình thức trợ giúp các doanh nghiệp định hướng hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2. Hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý

a) Hỗ trợ thông tin cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: Nội dung hỗ trợ thông tin cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Điều 12, Nghị định 39/2018/NĐ-CP.

b) Hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

- Nội dung hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại khoản 3, Điều 13, Nghị định 39/2018/NĐ-CP, cụ thể: Doanh nghiệp siêu nhỏ được hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn, nhưng không quá 03 triệu đồng một năm; Doanh nghiệp nhỏ được giảm tối đa 30% giá trị hợp đồng tư vấn, nhưng không quá 05 triệu đồng một năm; Doanh nghiệp vừa được giảm tối đa 10% giá trị hợp đồng tư vấn, nhưng không quá 10 triệu đồng một năm;

- Điều kiện hỗ trợ: Doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng điều kiện về hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP.

c) Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

3. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

a) Hỗ trợ đào tạo khởi sự kinh doanh và quản trị kinh doanh: Học viên của doanh nghiệp nhỏ và vừa có trụ sở trên địa bàn tỉnh Kon Tum, doanh nghiệp nhỏ và vừa do nữ làm chủ được miễn học phí tham gia khóa đào tạo.

b) Hỗ trợ đào tạo nghề: Nội dung hỗ trợ đào tạo nghề theo quy định tại khoản 2, Điều 14, Nghị định 39/2018/NĐ-CP, cụ thể: Doanh nghiệp nhỏ và vừa khi cử lao động tham gia khóa đào tạo trình độ sơ cấp hoặc chương trình đào tạo dưới 03 tháng thì được miễn chi phí đào tạo.

c) Hỗ trợ đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhỏ và vừa: Nội dung hỗ trợ đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại khoản 3, Điều 14, Nghị định 39/2018/NĐ-CP, cụ thể: Doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến được hỗ trợ 50% tổng chi phí của một khóa đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhưng không quá 01 lần một năm; Khóa đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp có tối thiểu 10 học viên.

4. Các nội dung hỗ trợ khác: Các nội dung hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa về tiếp cận tín dụng thực hiện theo quy định tại Điều 8 Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa; Các nội dung hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa về thuế, kế toán thực hiện theo quy định tại Điều 10 Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa; Các nội dung hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa về công nghệ; hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung thực hiện theo quy định Điều 12 Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**Điều 3. Nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh**

1. Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp

2. Hỗ trợ đăng ký doanh nghiệp, công bố thông tin doanh nghiệp

3. Hỗ trợ thẩm định, cấp phép kinh doanh lần đầu

4. Hỗ trợ lệ phí môn bài

5. Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán

**Điều 4. Nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo**

1. Nội dung hỗ trợ.

a) Hỗ trợ tư vấn về sở hữu trí tuệ; khai thác và phát triển tài sản trí tuệ:

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nhưng không quá 05 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng mỗi năm.

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng và thực hiện chính sách, chiến lược hoạt động sở hữu trí tuệ nhưng không quá 15 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng mỗi năm.

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thiết kế, đăng ký bảo hộ, khai thác và phát triển giá trị của nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế nhưng không quá 20 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng mỗi năm.

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý nhưng không quá 05 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng mỗi năm.

b) Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, mô hình kinh doanh mới:

- Cung cấp thông tin miễn phí về hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng mỗi năm.

- Giảm 50% phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; giảm 50% phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; giảm 50% chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng trên một lần thử và không quá một lần trên năm.

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tự tổ chức đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng mỗi năm.

- Giảm 50% phí thử nghiệm về chất lượng hàng hóa tại hệ thống thử nghiệm thuộc cơ quan quản lý nhà nước nhưng không quá 10 triệu đồng trên một lần thử và không quá một lần trên năm.

c) Hỗ trợ về ứng dụng, chuyển giao công nghệ:

Hỗ trợ 50% chi phí hợp đồng ứng dụng công nghệ cao, hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng không quá 100 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng mỗi năm.

d) Hỗ trợ về đào tạo, thông tin, xúc tiến thương mại, thương mại hóa:

- Hỗ trợ 50% chi phí đào tạo chuyên sâu về các nội dung sau: Xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học. Chi phí hỗ trợ không quá 20 triệu đồng trên một khóa đào tạo và không quá một khóa đào tạo trên năm.

- Miễn phí tra cứu, khai thác, cung cấp thông tin, cơ sở dữ liệu về sáng chế, thông tin công nghệ, kết quả nghiên cứu.

- Hỗ trợ 100% chi phí gian hàng tại Hội trợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế; được ưu tiên tham gia Chương trình xúc tiến thương mại có sử dụng ngân sách nhà nước.

- Miễn phí cung cấp thông tin, truyền thông về kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

đ) Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung:

- Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng trang thiết bị tại các cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng không quá 50 triệu đồng trên một doanh nghiệp.

- Hỗ trợ 50% nhưng không vượt quá 5 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo phí tham gia các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung dành cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

2. Điều kiện hỗ trợ: Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ khi đáp ứng các điều kiện sau: Là Doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh; Có thời gian hoạt động không quá 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu; Chưa thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng đối với công ty cổ phần.

**Điều 5.** **Nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị**

1. Nội dung hỗ trợ.

a) Hỗ trợ 50% chi phí đối với các khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên biệt tại hiện trường nhưng không quá 30 triệu đồng trên một khóa đào tạo cho một doanh nghiệp và không quá một khóa đào tạo trên năm.

b) Hỗ trợ liên kết sản xuất, kinh doanh: Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thúc đẩy liên kết trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị nhưng không quá 10 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng trên năm; Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng các dự án liên kết kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển thị trường, nâng cao giá trị của sản phẩm, hàng hóa nhưng không quá 10 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng trên năm.

c)Hỗ trợ phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường: Hỗ trợ 100% chi phí gian hàng tại Hội trợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế; được ưu tiên tham gia Chương trình xúc tiến thương mại có sử dụng ngân sách nhà nước; Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh nhưng không quá 05 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng trên năm; Hỗ trợ 100% chi phí hợp đồng tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu chuỗi giá trị và cụm liên kết ngành nhưng không quá 20 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng trên năm.

d)Tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng: Cung cấp thông tin miễn phí về hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng trên năm; Giảm 50% phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; giảm 50% phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; giảm 50% chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng trên một lần thử và không quá một lần trên năm; Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp tự tổ chức đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng trên năm.

đ) Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng: Hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhưng nhưng không quá 10 triệu đồng trên một lần thử và không quá một lần trên năm; Hỗ trợ sử dụng các phòng thử nghiệm về chất lượng hàng hóa của doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; Giảm 50% phí thử nghiệm về chất lượng hàng hóa tại hệ thống thử nghiệm thuộc cơ quan quản lý nhà nước nhưng không quá 10 triệu đồng trên một lần thử và không quá một lần trên năm; Hỗ trợ 50% chi phí hợp đồng đặt hàng các cơ sở viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ nhưng không quá 30 triệu đồng trên một lần và không quá một lần trên năm.

2. Điều kiện hỗ trợ.

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến các sản phẩm chủ lực, thế mạnh của tỉnh (*gồm: sản phẩm trồng trọt ứng dụng công nghệ cao; sản phẩm chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao; cà phê và các sản phẩm chế biến từ cà phê; cao su và các sản phẩm chế biến từ cao su; Sâm Ngọc Linh, các sản phẩm chế biến từ Sâm Ngọc Linh và các loại dược liệu; Gỗ và các sản phẩm sản xuất từ gỗ; Điện; Du lịch sinh thái Măng Đen)* được hỗ trợ nếu đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Tạo ra sản phẩm có lợi thế cạnh tranh về chất lượng và giá thành.

- Có đổi mới sáng tạo về quy trình công nghệ, vật liệu, linh kiện, máy móc, thiết bị.

- Tạo việc làm cho người lao động.

Điều 6. Kinh phí, thời gian thực hiện

1. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí dự kiến để thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 khoảng 31.450 triệu đồng, trong đó:

a) Kinh phí ngân sách nhà nước bố trí thực hiện chính sách hỗ trợ

Kinh phí ngân sách nhà nước dự kiến bố trí trong giai đoạn 2021-2025 khoảng 12.700 triệu đồng *(ngân sách địa phương 3.250 triệu đồng; ngân sách trung ương 9.450 triệu đồng)*. Trong đó:

- Hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: Khoảng 1.800 triệu đồng.

- Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho các Doanh nghiệp nhỏ và vừa: Khoảng 5.250 triệu đồng.

- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo: Khoảng 3.250 triệu đồng.

- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị: Khoảng 2.400 triệu đồng.

b) Kinh phí thực hiện các hoạt động hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên hàng năm

Kinh phí thực hiện các nội dung hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp được các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, đơn vị xây dựng và thực hiện từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của các đơn vị được cấp có thẩm quyền duyệt hàng năm *(dự kiến kinh phí giai đoạn 2021-2025 khoảng 15.500 triệu đồng)*.

c) Nguồn vốn xã hội hoá

Ngoài kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước, Nghị quyết khuyến khích huy động nguồn kinh phí từ khu vực tư nhân, tổ chức, cá nhân, hiệp hội liên quan nhằm xã hội hóa các hoạt động hỗ trợ, giảm áp lực lên nguồn ngân sách nhà nước *(dự kiến nguồn xã hội hóa giai đoạn 2021-2025 khoảng 3.250 triệu đồng)*.

2. Thời gian thực hiện: Từ năm 2021 đến năm 2025.

**Điều 7.** Tổ chức thực hiện

*(Tài liệu gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị quyết vềhỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kon Tumgiai đoạn 2021-2025; (2) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp;báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; (3) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý và các Văn bản khác có liên quan)*

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, Kỳ họp thứ 12 xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;-Thường trực Tỉnh ủy (B/c)- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;- Văn phòng HĐND tỉnh;- Ban Kinh tế ngân sách HĐND tỉnh;- Các sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp;- Văn phòng UBND tỉnh;- Lưu: VT, KTTH.TK. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH****Lê Ngọc Tuấn** |

1. () Số lượng doanh nghiệp thành lập mới liên tục tăng qua các năm, cụ thể: Năm 2020 số doanh nghiệp mới đăng ký thành lập là 374 với số vốn đăng ký đạt 3.121 tỷ đồng *(tăng 29,4% về số lượng doanh nghiệp và 14,3 % về tổng vốn đăng ký so với năm 2019)*; năm 2019 số doanh nghiệp mới đăng ký thành lập là 289 với số vốn đăng ký đạt 2.730,1 tỷ đồng *(tăng 17% về số lượng doanh nghiệp và 53,8 % về tổng vốn đăng ký so với năm 2018)*. Đóng góp của khu vực doanh nghiệp vào thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2019 đạt 1.312,35 tỷ đồng chiếm 40,3% tổng thu ngân sách; khu vực doanh nghiệp chiếm 19,83% trong cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh năm 2018. [↑](#footnote-ref-1)
2. () Theo kết quả xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2019, PCI tỉnh Kon Tum xếp thứ hạng 56/63 tỉnh, thành phố (so với 5 tỉnh Tây Nguyên, Kon Tum đứng thứ 4). [↑](#footnote-ref-2)